TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 137/2024/QĐST-DS	*G , ngày 17 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 04 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: NH.TMCP.AC

Địa chỉ: Số 442 NTMK , phường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà N.L.N.H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Lầu X tòa nhà ACB, số 444A-446 CMTT, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Văn bản ủy quyền số 1901/UQ-QLN.22 ngày 13/9/2022.

Bị đơn: Bà V.T.B.Y, sinh năm 1966

Bà Đ.T.H.P, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số 162/20 Nguyễn Văn K, Phường T, quận G , Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Y bà P có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP AC theo các Hợp đồng tín dụng số BCD.CN.93.031019 ngày 07/10/2019; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số CN.93.031019/SĐBS-01 ngày 09/11/2020, Hợp đồng

sửa đổi bổ sung số BCD.CN.93.031019/SĐBS-02 ngày 09/01/2021; Hợp đồng tín dụng số BCD.CN.2833.221019 ngày 23/10/2019; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BCD.CN.2833.221019/SĐBS-01 ngày 09/11/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung BCD.CN.2833.221019/SĐBS-02 ngày 09/01/2021; Hợp đồng tín dụng số BCD.CN.08.170120 ngày 22/01/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BCD.CN.08.170120/SĐBS-01 ngày 09/11/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung BCD.CN.08.170120/SĐBS-02 ngày 09/01/2021; NH.TMCP.AC cấp tín dụng cho bà V.T.B.Y theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BCD.CN.2617.081019 ngày 09/10/2019 và Hợp đồng tín dụng số BCD.CN.243.160520 ngày 18/5/2020; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BCD.CN.2617.081019 ngày 09/10/2019 và Hợp đồng tín dụng số BCD.CN.2943.090720 ngày 10/7/2020; NH.TMCP.AC cấp thẻ tín dụng cho bà V.T.B.Y và bà Đ.T.H.P theo số thẻ chính và thẻ phụ, NH.TMCP.AC cấp tín dụng cho bà Đ.T.H.P theo Hợp đồng tín dụng số BCD.CN.37.111019 ngày 15/10/2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BCD.CN.37.111019/SĐBS-01 ngày 22/01/2021 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/4/2024 là*: 26.343.892.026 đồng (Hai mươi sáu tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi nghìn không trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó vốn gốc là 16.895.361.884, lãi trong hạn là 1.040.648.648 đồng, lãi quá hạn là 8.098.101.513 đồng và phạt chậm trả lãi là 309.779.981 đồng.

Về phương thức trả nợ: Bà Y bà P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP AC toàn bộ số nợ trên ngay khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi, phạt chậm trả lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ phải trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kể từ ngày 10/4/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nếu quá thời hạn thỏa thuận nêu trên mà bà Y bà P không trả hết số tiền nợ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP AC được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau để thi hành án:

(1) Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: ấp 6, xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số cấp GCN: H01421 do UBND huyện Tân Phú cấp ngày 24/6/2009.

(2) Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: ấp 6, xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số cấp GCN: H01486

do UBND huyện Tân Phú cấp ngày 26/10/2009, cập nhật chuyển nhượng cho bà V.T.B.Y ngày 09/12/2009.

(3) Thửa đất số 205, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H01451 do UBND huyện Tân Phú cấp ngày 29/7/2009, cập nhật chuyển nhượng cho bà V.T.B.Y ngày 24/9/2009.

(4) Thửa đất số 260, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: ấp 6, xã Trà Cổ, huyện Tân Phủ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H00450 do UBND huyện Tân Phú cấp ngày 23/7/2007, cập nhật chuyển nhượng cho V.T.B.Y ngày 23/02/2008.

Bà Y bà P phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 07/10/2019 và ngày 15/10/2019.

Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Về án phí sơ thẩm: Bà V.T.B.Y và bà Đ.T.H.P phải chịu số tiền 67.171.946 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng đồng), thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.243.508 đồng (Sáu mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0034833 ngày 24/12/2021 và 30.920.485 đồng (Ba mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Y bà Pcó trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Ac số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.G ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang